TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 1490/2019/LĐ-ST
Ngày: 30/8/2019
V/v: "Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Thảo
Các hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Bùi Thị Cẩm Vân
2/ Bà Nguyễn Thị Bính Thân

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Minh Hoài – Cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa:*** Bà Trương Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án lao động thụ lý số 113/2014/TLST-LĐ ngày 04 tháng 7 năm 2014, về việc "Tranh chấp hợp đồng lao động" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 241/2019/QĐXX-ST ngày 18 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 189/2019/QĐST – LĐ ngày 08/8/2019, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông **Lai Anh V**, sinh năm 1982;
Cư trú: 411 Đường V, Phường N, Quận B, TP. Hồ Chí Minh.

1. Bị đơn: **Công ty trách nhiệm hữu hạn Thực phẩm K**
Địa chỉ: G721 tòa nhà The Manor 2, số 91 N, Phường X, quận B, Thành phố H;
Người đại diện theo uỷ quyền: Bà L, ông Đ (Văn bản ủy quyền ngày 06/01/2017)
Địa chỉ: Lầu 1 tòa nhà GIC, số 1B Đ, Phường X, quận B, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/6/2014 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày: Ngày 01/4/2013, tôi và Công ty trách nhiệm hữu hạn Thực phẩm K (sau đây gọi tắt là Công ty K) có ký hợp đồng lao động số

07-2013/HĐLĐ-KHF với chức vụ là kỹ sư quản lý nhà hàng, mức lương theo hợp đồng là 5.870.000 đồng, phụ cấp là 3.130.000 đồng, thời hạn hợp đồng từ ngày 01/4/2013 đến ngày 31/3/2016.

Ngày 07/11/2013, công ty ra quyết định số 01/2013/KL-KHL, về việc xử lý kỷ luật cán bộ công nhân viên bằng hình thức thu lại số tiền vi phạm và trừ tiền lương tháng 10/2013 của tôi là 3.000.000 đồng, lương tháng 11/2013 là 3.000.000 đồng, lương tháng 12/2013 là 2.140.000 đồng, mặc dù tôi không vi phạm gì. Ngày 11/12/2013 công ty ra quyết định số 04/2013/KL-KHF, về việc xử lý hao hụt định mức công ty đã tự ý trừ tiền lương của tôi tháng 01/2014 là 2.500.000 đồng, tháng 02/2014 là 2.539.280 đồng, trong khi tôi không làm hao hụt bất cứ sản phẩm nào của công ty. Việc công ty cho rằng tôi làm hao hụt nguyên vật liệu của tháng 01/2014 và tháng 02/2014 nhưng công ty lại ra quyết định vào ngày 11/12/2013, như vậy thì việc hao hụt chưa xảy ra mà công ty đã trừ lương của tôi. Ngày 23/01/2014 công ty ra công văn số 02/2014/TB-KHF, thông báo chấm dứt hợp đồng lao động với tôi mà tôi tư ngày không biết lý do nghỉ việc.

Nay tôi yêu cầu Công K phải trả cho tôi số tiền tổng cộng là 50.475.000 đồng gồm:

- Tiền lương cho những ngày không được làm việc do đơn phương chấm dứt

hợp đồng lao động trái pháp luật từ ngày 01/3/2013 cho đến ngày 30/6/2013 là 04 (ba) tháng, mỗi tháng là 5.870.000 đồng, số tiền là (4 x 5.870.000) =23.480.000 (hai mươi ba triệu bốn trăm tám mươi ngàn) đồng.

- Bồi thường tiền trợ cấp thất nghiệp là tương đương 02 tháng lương là 11.740.000 (mười một triêu bảy trăm bốn mươi ngàn) đồng.

- Số tiền mà công ty đã trừ tiền về việc hao hụt là 5.039.000 đồng của các tháng 01/2014, tháng 02/2014.

- Tiền trừ lương do thu lại số tiền vi phạm là 8.140.000 đồng;

- Tiền 06 ngày phép được nghỉ là 2.076.000 đồng.

Tại bản tự khai, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn Thực phẩm K trình bày: Ngày 01/4/2013, Công ty K có ký hợp đồng lao động số 07-2013/HĐLĐ-KHF với ông V, chức vụ là kỹ sư quản lý nhà hàng. Trong quá trình là việc ông V đã vi phạm, nên mới chấm dứt hợp đồng lao đồng với ông V. Ngày 23/01/2014 công ty ra thông báo chấm dứt hợp đồng lao động với V sau 30 ngày và đã gửi Quyết định về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông V.

Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử đối với công ty K và người đại diện theo ủy quyền của công ty nhưng

vắng mặt, cố tình trốn tránh trách nhiệm và không hợp tác với Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

Ngày 10/7/2019, ông V có đơn đề nghị vắng mặt khi xét xử vụ án và giữ nguyên các yêu cầu theo các bản tự khai, các biên bản tại Tòa án.

Tại phiên tòa,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B phát biểu ý kiến: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, ngoại trừ việc vi thời hạn giao thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn; vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Về phía người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 58, 59 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 58, 60 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của ông V yêu cầu Công ty K phải thanh toán cho ông V các khoản do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động. Căn cứ Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ kiên này là đơn phương chấm hợp đồng lao động.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có địa chỉ trụ sở tại quận B, thành phố H. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận B, thành phố H.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ cho bị đơn là Công ty K và người đại diện theo ủy quyền của công ty đến Tòa án tham gia phiên tòa vào ngày 07/8/2019, 30/8/2019 nhưng Công ty K và người đại diện theo ủy quyền của công ty vẫn vắng mặt không có lý do là đã tự tước đi quyền lợi trình bày và tự bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Công ty K và người đại diện theo ủy quyền của công ty.

Xét đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa ngày 10/7/2019 của ông V là đúng theo quy định của pháp luật, nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông L.

[4]. Về yêu cầu của các đương sự:

[4.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền lương cho những ngày nguyên đơn không được làm việc do bị đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật từ ngày 01/3/2013 cho đến ngày 30/6/2013 là 04 (bốn) tháng, mỗi tháng là 5.870.000 đồng với số tiền là (4 x 5.870.000) =23.480.000 (hai mươi ba triệu bốn trăm tám mươi ngàn) đồng; Bồi thường 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động do chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là 11.740.000 đồng; Tiền lương được hưởng 06 ngày phép/01 năm. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo hợp đồng lao động được ký kết ngày 01/4/2013, giữa nguyên đơn và bị đơn có ký hợp đồng lao động số 07-2013/HĐLĐ-KHF với chức vụ là kỹ sư quản lý nhà hàng, mức lương theo hợp đồng là 5.870.000 đồng, phụ cấp là 3.130.000 đồng, thời hạn hợp đồng từ ngày 01/4/2013 đến ngày 31/3/2016. Căn cứ Điều 27, 28, 29, 30 Bộ luật lao động thì hợp đồng lao đồng hai bên ký kết là hợp đồng lao động có thời hạn, việc ký kết hoàn toàn tự nguyện và về nội dung, hình thức phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngày 23/01/2014 bị đơn ra công văn số 02/2014/TB-KHF, thông báo chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn. Trong quá trình làm việc tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền bị đơn cho rằng ngày 24/02/2014 bị đơn gửi quyết định về việc chấm dứt hợp đồng lao động với bị đơn với lý do nguyên đơn không làm tròn trách nhiệm và không muốn hợp tác với nguyên đơn, nhưng bị đơn không có bất kỳ chứng cứ nào thể hiện nguyên đơn thường xuyên không hoàn thành công việc đã bị nhắc nhở nhiều lần cũng như không cung cấp quyết định về việc chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn, nội dung tại công văn số 02/2014/TB-KHF ngày 23/01/2014 cũng không thể hiện lý do mà bị đơn cho nguyên đơn nghỉ việc. Tại điểm a, khoản 1 Điều 38 Bộ luật lao động thì người sử dụng lao động có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong những trường hợp sau đây: *"a. Người lao động thương xuyên không hoàn thành công việc theo hợp đồng"*. Tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 44/2003 NĐ-CP ngày 09/5/2003 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành mội số đều của Bộ luật lao đồng thì *"Người lao động thường xuyên không hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động là không hoàn thành định mức lao động hoặc nhiệm vụ được giao do yếu tố chủ quan và bị lập biên bản hoặc nhắc nhở bằng văn bản ít nhất hai lần trong một tháng, mà sau đó vẫn không khắc phục. Mức dộ hoàn thành công việc được ghi trong hợp đồng lao động....."*. Như vậy, đủ cơ sở để xác định bị đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn là trái pháp luật được quy định tại Điều 41, 42 Luật lao động, nên yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận. Do bị đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động nên bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn gồm những khoản sau: Trả tiền lương những ngày nguyên đơn không được làm việc là 04 tháng tính từ ngày 01/3/2014 đến ngày 30/6/2014 x 5.840.000 đồng với là mức lương = 23.480.000 đồng; Bồi thường 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động do chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là 11.740.000 đồng; Tiền lương được hưởng 06 ngày phép/01 năm là 346.000 x 6 ngày = 2.076.000 đồng.

[4.2] Xét, yêu cầu của nguyên đơn về việc bị đơn phải trả lại số tiền mà bị đơn đã trừ tiền lương của nguyên đơn với số tiền tổng cộng là 13.179.280 đồng, gồm: tháng 01/2014 là 2.500.000 đồng, tháng 02/2014 là 2.539.280 đồng; tháng 10/2013 là 3.000.000 đồng, tháng 11/2013 là 3.000.000 đồng, tháng 12/2013 là 2.140.000 đồng. Theo quyết định số 01/2013/KL-KHL, ngày 07/11/2013, về việc xử lý kỷ luật cán bộ công nhân viên bằng hình thức thu lại số tiền vi phạm và trừ tiền lương tháng 10/2013 là 3.000.000 đồng, lương tháng 11/2013 là 3.000.000 đồng, lương tháng 12/2013 là 2.140.000 đồng; Quyết định số 04/2013/KL-KHF ngày 11/12/2013, về việc xử lý hao hụt định mức trừ tiền lương tháng 01/2014 là 2.500.000 đồng, tháng 02/2014 là 2.539.280 đồng. Đồng thời nguyên đơn cho rằng nguyên đơn không làm hao hụt mặc bất cứ sản phẩm nào tại cửa hàng Bitexco, cũng như nguyên đơn không hề vi phạm gì bất cứ nội quy nào của công ty. Bị đơn không cung cấp bất cứ chứng cứ nào thể hiện nguyên đơn đã vi phạm tỉ lệ hao hụt sản phẩm và theo các Quyết định thể hiện tỉ lệ hao hụt xảy ra mà bị đơn đã trừ lương của nguyên đơn là không đúng, nên phải trả lại cho nguyên đơn các khoản tiền tổng cộng là 13.179.280, gồm: tháng 01/2014 là 2.500.000 đồng, tháng 02/2014 là 2.539.280 đồng; tháng 10/2013 là 3.000.000 đồng, tháng 11/2013 là 3.000.000 đồng, tháng 12/2013 là 2.140.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn là: 23.480.000 đồng + 11.740.000 đồng + 13.179.280 + 2.076.000 đồng = 50.475.000 đồng

[5]. Về án phí: Căn cứ Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 6; khỏan a Điều 32; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 91;Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 262; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 15; Điều 21, điểm b khoản 2 Điều 38, Điều 41, Điều 42 Bộ luật Lao động; Điều 4 Nghị định 44/2013/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về hợp đồng lao động; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của ông Lai Anh V.

Công ty trách nhiệm hữu hạn Thực phẩm K phải trả cho ông Lai Anh V số tiền là 50.475.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày ông Lai Anh V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty trách nhiệm hữu hạn Thực phẩm K chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên, thì Công ty trách nhiệm hữu hạn Thực phẩm K còn phải chịu thêm tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

2/ Về án phí: Án phí lao động sơ thẩm là 1.514.250 (một triệu năm trăm mười bốn ngàn hai trăm năm mươi) đồng Công ty trách nhiệm hữu hạn Thực phẩm K phải nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/ Quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND Thành phố H
- VKSND Q. B
- Chi cục THADS Q. B
- Các đương sự
- Lưu VP, hồ sơ.

Lê Thị Minh Thảo